

BÀI ÔN TỔNG HỢP SỐ 2

Phần 1: Nối cột từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để được những cặp từ có nghĩa giống nhau:

A

Nuông chiều

Buồn rầu

Cần cù

Trung thực

Lanh lợi

Mập mạp

B

Buồn bã

Chiều chuộng

Thành thật

Hoạt bát

Mồm mĩm

Chịu khó

Phần 2: Trắc nghiệm

Câu 1. Trong các từ sau, từ nào sai chính tả?

- A. vất vẻo B. sức khỏe C. cà kheo D. ngoằn ngoèo

Câu 2. Nghĩa của từ "um tùm" là gì?

- A. rậm rạp B. thưa thớt C. còi cọc D. xanh mướt

Câu 3. Trong các từ sau, từ nào sai chính tả?

- A. xứ nghệ B. lọ xứ C. sỏi đá D. lọ sứ

Câu 4. Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

- A. sắt B. đồng C. thép D. đất

Câu 5. Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

- A. ong vàng B. ong vò vẽ C. sữa ong D. ong mật

Câu 6. Trong các từ sau, từ nào khác nghĩa với các từ còn lại ?

- A. đồng bào B. đồng đội
C. đồng chí D. đồng thau

Câu 7. Trong câu thơ: Mặt trời xuống biển như hòn lửa. Mặt trời được so sánh với sự vật nào?

- A.** hòn than **B.** mặt biển
C. xuống **D.** hòn lửa

Câu 8. Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

- A. sách** **B. bút máy** **C. máy cày** **D. vở**

Câu 9. Trong các chữ sau, chữ nào có tên chữ là "tê e-rò"?

- A.** tr **B.** r **C.** x **D.** s

Câu 10. Trong câu ca dao:

Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- “lòng ta” được so sánh với sự vật nào?

- A.** ai **B.** nói ngả
C. nói nghiêng **D.** kiềng ba chân

Câu 11: Số 9999 là số liền trước của số:

- A. 9998 B. 10000 C. 10001

Câu 12: Giá trị của biểu thức $5000 - 2000 + 1500$ là:

- A. 3500 B. 4500 C. 6500

Câu 13: Hình vuông có cạnh 6cm. Chu vi hình vuông là:

- A. 12cm B. 24cm C. 36cm

Câu 14: $2500 + ? = 6000$, số thích hợp điền vào dấu “?” là:

- A. 3500 B. 8500 C. 4500

Câu 15: Hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 5cm. Diện tích hình chữ nhật là:

A. 17 cm^2

B. 34 cm^2

C. 60 cm^2

Câu 16: 7 gấp lên 4 lần được:

A. 11

B. 21

C. 28

Câu 17: Đọc số:

a) 53 045

b) 87 817

Câu 18: Đặt tính rồi tính:

a) $4321 + 3567$

b) $7654 - 2345$

c) 2312×3

d) $9633 : 3$

|

Câu 19:

a) $13839 + ? = 52678$. Số thích hợp điền vào dấu? là:

b) $? - 5678 = 1524$. Số thích hợp điền vào dấu? là:

Câu 20: Một hình chữ nhật có diện tích 56cm^2 , chiều rộng 7cm . Tính chu vi hình chữ nhật đó.

- Chiều dài của hình chữ nhật là:
- Chu vi của hình chữ nhật là:

Câu 21: Một tổ có 36 học sinh, số học sinh nam gấp đôi số học sinh nữ. Hỏi tổ có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

- Số học sinh nam của tổ là:
- Số học sinh nữ của tổ là: